

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KT
TỈNH KT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 148/2023/HS-ST
Ngày: 22/11/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KT - TỈNH KT

- **Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hoài;
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Long;
2/ Ông A Ừm.
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương Duyên.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kt tham gia phiên tòa:** Ông Trần Việt Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2023, tại 02 điểm cầu:

Điểm cầu trung tâm: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kt; địa chỉ: Số 44 Bà Triệu, thành phố Kt, tỉnh Kt;

Điểm cầu thành phần: Nhà tạm giữ Công an thành phố Kt, tỉnh Kt; địa chỉ: 07 đường Ph, phường Dt, thành phố Kt, tỉnh Kt.

Toà án nhân dân thành phố Kt, tỉnh Kt xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 137/2023/TLST - HS ngày 24/10/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

A S, sinh năm 2000 tại Kt; nơi thường trú: Thôn Krl, xã Đbl, thành phố Kt, tỉnh Kt; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A Ng, sinh năm 1967 và bà Y N, sinh năm 1970; Gia đình bị cáo có 08 anh chị em, bị cáo là con thứ 3 trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2023 đến nay, có mặt.

- **Bị hại:** Anh A Tu, sinh năm 1984, trú tại: Thôn Kjd, xã Đrw, thành phố Kt, tỉnh Kt, vắng mặt.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1/ A Đa, sinh ngày 09/01/2010 (Người đại diện ông A Đ là bố đẻ).

Cùng trú tại: Thôn Krl, xã Đbl, thành phố Kt, tỉnh Kt, cùng vắng mặt.

2/ Bà Y N, sinh năm 1970, trú tại: Thôn Krl, xã Đbl, thành phố Kt, tỉnh Kt, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 00 ngày 04/8/2023, tại nhà A Đa thôn Krl, xã Đbl, thành phố Kt, A Đa và A S cùng uống rượu. Sau khi uống rượu, A S rủ A Đa đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài, A Đa đồng ý. A S điều khiển xe mô tô biển số 82AA-029.83 chở A Đa đi tìm tài sản trộm cắp (*Xe mô tô do A S mượn của bà Y Nếp. Trước khi đi A S tháo biển số xe để ở nhà*). Đến khoảng 18 giờ 00 phút cùng ngày 04/8/2023, khi đi đến rẫy của ông A Tu thuộc thôn Kjd, xã Đrw, thành phố Kt thấy nhà chòi trong rẫy không người trông coi, nhà chòi sát đường vào rẫy, A S liền điều khiển xe đi vào, thì phát hiện cạnh nhà chòi có 01 máy nổ ký hiệu FF R175 và 01 đầu bơm nước ký hiệu 394 NGVCU đang gắn vào máy nổ dùng để bơm nước. A S và A Đa dựng xe ở ngoài đường gần vị trí nhà chòi, rồi vào trong nhà chòi tìm lấy Cờ lê dùng tháo máy nổ và đầu bơm nước để chiếm đoạt. Sau khi tháo xong, khiêng máy nổ ra ngoài đường và đang bê lên xe mô tô thì bị người dân phát hiện bắt giữ, báo Công an xã Đắc Rơ Wa lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ tang vật.

Tại Kết luận định giá tài sản, kết luận: 01 máy nổ và 01 đầu bơm nước do A Đa và bị cáo A S chiếm đoạt giá trị là **3.000.000** đồng.

Tại Cáo trạng số 138/CT-VKSTPKT ngày 24/10/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kt truy tố bị cáo A S về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52 BLHS, xử phạt bị cáo A S từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự. Cơ quan CSĐT đã trả lại các tài sản là máy nổ, đầu máy bơm và xe mô tô cho các chủ sở hữu là đúng quy định. Bị hại A Tu và người liên quan bà Y Nếp đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự, nên không xem xét.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Lời nói sau cùng: Bị cáo nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

*** Về tố tụng:**

- Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Kt, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kt và Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành

vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật.

- Việc vắng mặt bị hại A Tu và người liên quan A Đa không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ theo quy định tại khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

*** Về nội dung:**

[1] Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 04/8/2023 tại rẫy của ông A Tu thuộc thôn Kjd, xã Đrw, thành phố Kt, A Dan và bị cáo A S đã lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản ông A Tu để thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt của ông A Tu 01 máy nổ và 01 đầu bơm nước tổng giá trị là **3.000.000** đồng. Mục đích trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Hành vi chiếm đoạt tài sản nêu trên của A Dan và bị cáo A S đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Khi thực hiện hành vi phạm tội thì A Đa đang là trẻ em (13 năm, 8 tháng 27 ngày tuổi) nên chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 12 của BLHS.

Từ nhận định và căn cứ pháp luật nêu trên, xét thấy Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kt không truy tố A Dan, mà chỉ truy tố đối với bị cáo A S về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của BLHS là có căn cứ đúng luật.

[2] Hành vi phạm tội của A Dan và bị cáo A S là nguy hiểm cho xã hội, cố ý xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự trên địa bàn thành phố Kt.

A Dan và bị cáo A S phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Để có cơ sở quyết định hình phạt đối với bị cáo A S, cần phân hóa vai trò mức độ tham gia trong đồng phạm của A Dan và bị cáo A S như sau: Cả A Dan và bị cáo A S cùng tích cực thực hiện hành vi phạm tội, trong đó A S là người khởi xướng, rủ rê và điều khiển xe mô tô chở A Dan đi tìm tài sản trộm cắp, nên tính chất mức độ tham gia phạm tội của bị cáo cao A S cao hơn và có vai trò thứ nhất trong đồng phạm.

[3] *Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:*

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

Bị cáo xúi giục A Đa thực hiện hành vi phạm tội khi A Đa là người chưa thành niên, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 của BLHS.

Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự.

[4] Sau khi xem xét tính chất mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội; xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Xét thấy cần phải xử phạt bị cáo nghiêm minh, cách ly bị cáo với đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Tuy nhiên bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội lần đầu, gây thiệt hại không lớn, tài sản đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu, bị cáo là người dân tộc thiểu số, tuổi đời còn trẻ, có nhân thân tốt. Do đó HĐXX xem xét giảm bớt một phần hình phạt, để bị cáo thấy được lượng khoan hồng của pháp luật, mà cải tạo tốt sớm trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] *Hình phạt bổ sung*: Bị cáo A S làm nông, công việc và thu nhập không ổn định, không có tài sản, không có điều kiện chấp hành hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, nên HĐXX miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Các vấn đề khác:

- *Xử lý vật chứng*: Cơ quan CSĐT đã trả lại 01 máy nổ, 01 đầu máy bơm cho ông A Tu và trả lại cho bà Y Nếp 01 xe mô tô là đúng quy định.

- *Trách nhiệm dân sự*: Bị hại A Tu và người liên quan bà Y Nếp đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự, nên không xem xét.

- Bà Y Nếp không biết việc A S sử dụng xe mô tô của bà đi trộm cắp.

- *Về án phí*: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Về tội danh*: Tuyên bố bị cáo A S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. *Về hình phạt*: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52; các điều 38, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo A S: **06** (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam **04/8/2023**.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo A S.

3. *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo A S phải chịu **200.000** (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. *Quyền kháng cáo*: Bị cáo A Sếp và bà Y Nếp được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (**22/11/2023**). Anh A Tu, anh A Đa và người đại diện hợp pháp của A Đa vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kt;
- VKSND tp Kt;
- Công an tp Kt;
- Chi cục THADS tp Kt;
- Bị cáo; bị hại; người liên quan;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Hoài